

Bản án số: 26/2024/KDTM-ST
Ngày: 22-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 5, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hà Như Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lâm Văn Vô

2. Bà Trần Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cẩm Vân - là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 24/2023/KTST ngày 11 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2024/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 85/2024/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần X (tên gọi mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần T5 và Phát triển).

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng A, 23, 24 Tòa nhà MIPEC, số B T, phường N, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Mạnh T, sinh năm 1962, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1992; bà Nguyễn Thị Minh T2, sinh năm 1988; bà Ngô Như T3, sinh năm 1993; ông Đào Đình M, sinh năm 1980; cùng địa chỉ liên hệ: Tầng L, số D N, phường Đ, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH S.

Địa chỉ trụ sở chính: Số H T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn T4, sinh năm 1971, chức vụ: Giám đốc, địa chỉ thường trú: Tổ D, khu phố N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Ngân hàng Thương mại cổ phần X và trong quá trình giải quyết vụ án, những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Năm 2016 - 2017, Công ty TNHH S có vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần X (tên gọi mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần T5 và Phát triển, gọi tắt là P) - Chi nhánh S1 theo các hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 447/0075/16/PN-TH/HĐTD ngày 10 tháng 11 năm 2016; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 447/0075/16/PN-TH/PL-HĐTD ngày 11 tháng 4 năm 2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 447/0075-01/16/PN-TH/PL-HĐTD ngày 21 tháng 4 năm 2017 với những nội dung chính như sau:

+ Số tiền cho vay: 1.500.000.000 đồng (tương đương 67.000 USD).

+ Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên.

+ Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua máy móc thiết bị là máy cán lá cửa cuốn công nghệ Úc theo hợp đồng thương mại số PF-001D-151015 ngày 25 tháng 11 năm 2015 giữa Công ty TNHH S và Công ty N, L

+ Lãi suất cho vay trong hạn: 11%/năm (tại thời điểm giải ngân lần đầu) và lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh vào ngày đầu tiên hàng quý theo thông báo của P tại thời điểm điều chỉnh, trên cơ sở phù hợp với quy định của Ngân hàng N1 và của P.

+ Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Thực hiện Hợp đồng tín dụng này, P đã giải ngân 01 lần cho Công ty TNHH S với tổng số tiền là 1.500.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số GNN/447/0075/16/PN-TH ngày 11 tháng 4 năm 2017.

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay vốn trên là máy cán cửa cuốn Roller door sheet forming machine, xuất xứ Đài Loan, model NSI-20-100 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất cũng thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất số 447/0075-01/16/PN-TH/HĐTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 được ký giữa Công ty TNHH S với P - Chi nhánh S1.

2. Hợp đồng tín dụng số 447/0081/17/PN-TH/HĐTD ngày 11 tháng 7 năm 2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 447/0081/17/PN-TH/PL-HĐTD ngày 31 tháng 7 năm 2017 với những nội dung chính như sau:

+ Số tiền cho vay: 485.000.000 đồng.

+ Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày rút vốn vay lần đầu đến hết ngày 18 tháng 7 năm 2022.

+ Mục đích sử dụng vốn vay: Đầu tư mua dây chuyền sản xuất nhôm, mới 100%.

+ Lãi suất cho vay trong hạn: 11%/năm (tại thời điểm giải ngân lần đầu) và lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh vào ngày đầu tiên hàng quý theo quy định của P tại thời điểm điều chỉnh, trên cơ sở phù hợp với quy định của Ngân hàng N1 và của P.

+ Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Thực hiện Hợp đồng tín dụng này, P đã giải ngân cho Công ty TNHH S 01 lần với tổng số tiền là 485.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số GNN/447/0081/17/PN-TH ngày 18 tháng 7 năm 2017.

- Tài sản bảo đảm cho khoản vay vốn trên gồm 4 máy móc/thiết bị/dây chuyền sản xuất và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất cũng thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất số 454/0081-01/17/PN-TH/HĐTC ngày 31 tháng 7 năm 2017 được ký giữa Công ty TNHH S với P - Chi nhánh S1. Cụ thể:

+ Máy cắt nhôm tự động hai đầu, ký hiệu OMRM 113, số seri 10D32256, hãng sản xuất OZGENC MAKINA, xuất xứ TURKEY, năm sản xuất 2017.

+ Máy bầm và liên kết góc nhôm, ký hiệu OMRM 136, số seri 10H1454, hãng sản xuất OZGENC MAKINA, xuất xứ TURKEY, năm sản xuất 2016.

+ Máy phay đầu đổ nhôm, ký hiệu OMRM 121, số seri 10A4523, hãng sản xuất OZGENC MAKINA, xuất xứ TURKEY, năm sản xuất 2016.

+ Máy phay copy 1 đầu, ký hiệu OMRM 117P, số seri 10F6208, hãng sản xuất OZGENC MAKINA, xuất xứ TURKEY.

3. Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty TNHH S đã thanh toán cho P số tiền tổng cộng 2.147.582.933 đồng, trong đó:

- Hợp đồng tín dụng số 447/0075/16/PN-TH/HĐTD ngày 10 tháng 11 năm 2016 đã trả số tiền tổng cộng là 1.617.656.793 đồng, trong đó: nợ gốc 1.200.000.000 đồng, lãi trong hạn 375.139.593 đồng, lãi quá hạn: 42.517.200 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 447/0081/17/PN-TH/HĐTD ngày 11 tháng 7 năm 2017 đã trả số tiền tổng cộng là 529.926.140 đồng, trong đó: nợ gốc 399.090.400 đồng, lãi trong hạn 117.268.971 đồng, lãi quá hạn: 13.566.769 đồng.

Mặc dù nguyên đơn đã thường xuyên liên hệ, nhắc nhở, yêu cầu bị đơn là Công ty TNHH S thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền còn thiếu nhưng đến nay Công ty TNHH S vẫn chưa thực hiện trả xong. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền nợ vay còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 447/0075/16/PN-TH/HĐTD ngày 10 tháng 11 năm 2016, Hợp đồng tín dụng số 447/0081/17/PN-TN/HĐTD ngày 11 tháng 7 năm 2017. Trường hợp bị đơn không thanh toán đủ số nợ còn thiếu cho nguyên đơn thì yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi các tài sản bảo đảm đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất số 447/0075-01/16/PN-TH/HĐTC ngày 21 tháng 4 năm 2017 và

Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất số 454/0081-01/17/PN-TH/HĐTC ngày 31 tháng 7 năm 2017 để thu hồi nợ.

Bị đơn là Công ty TNHH S được Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến trình bày và không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

- Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Minh T2, bà Ngô Như T3, ông Đào Đình M vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại bản tự khai ngày 22 tháng 7 năm 2024, nguyên đơn trình bày Công ty TNHH S đã ngừng thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho P theo thỏa thuận từ ngày 27 tháng 7 năm 2020 đối với Hợp đồng tín dụng số 447/0075/16/PN-TH/HĐTD ngày 10 tháng 11 năm 2016 và từ ngày 26 tháng 8 năm 2020 đối với Hợp đồng tín dụng số 447/0081/17/PN-TH/HĐTD ngày 11 tháng 7 năm 2017 cho đến nay, vì thế nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH S có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và lãi còn thiếu tạm tính đến ngày 22 tháng 7 năm 2024 là 698.817.679 đồng, trong đó nợ gốc là 385.909.600 đồng, nợ lãi trong hạn là 67.380.770 đồng, nợ lãi quá hạn là 245.527.309 đồng, cụ thể:

+ Hợp đồng tín dụng số 447/0075/16/PN-TH/HĐTD ngày 10 tháng 11 năm 2016 còn thiếu số tiền tổng cộng là 537.968.290 đồng, gồm nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 46.670.063 đồng, nợ lãi quá hạn 191.298.227 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số 447/0081/17/PN-TH/HĐTD ngày 11 tháng 7 năm 2017 còn thiếu số tiền tổng cộng là 160.849.389 đồng, gồm nợ gốc: 85.909.600 đồng, nợ lãi trong hạn 20.710.707 đồng, nợ lãi quá hạn 54.229.082 đồng.

Tiền lãi tiếp tục tính từ ngày 23 tháng 7 năm 2024 cho đến khi Công ty TNHH S trả xong nợ P theo mức lãi suất thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ các bên đã ký. Trường hợp Công ty TNHH S không trả nợ đầy đủ cho P thì P có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi các tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mà nguyên đơn đã thực hiện số tiền là 5.600.074 đồng.

- Bị đơn là Công ty TNHH S vắng mặt, không rõ lý do nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 5 phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đương sự được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vắng mặt, không rõ lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần X (tên gọi mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần T5), buộc bị đơn là Công ty TNHH S thanh toán cho nguyên đơn số tiền còn thiếu tính đến ngày 22 tháng 7 năm 2024 là 698.817.679 đồng, trong đó nợ gốc là 385.909.600 đồng, nợ lãi trong hạn là 67.380.770 đồng, nợ lãi quá hạn là 245.527.309 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2024 theo mức lãi suất đã được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ cho đến khi bị đơn thanh toán xong. Trường hợp bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký kết. Nguyên đơn chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, bị đơn chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngân hàng Thương mại cổ phần X (tên gọi mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần T5) khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH S trả tiền nợ còn thiếu phát sinh từ các hợp đồng tín dụng. Công ty TNHH S có địa chỉ trụ sở chính tại H T, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh - cũng là địa chỉ được ghi trong các hợp đồng tín dụng. Do đó, đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T1, bà Nguyễn Thị Minh T2, bà Ngô Như T3, ông Đào Đình M vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là Công ty TNHH S đã được Tòa án niêm yết công khai, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về thời gian, địa điểm tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt, không rõ lý do và cũng không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về nợ gốc và nợ lãi:

[3.1.1] Hợp đồng tín dụng số 447/0075/16/PN-TH/HĐTD ngày 10 tháng 11 năm 2016; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 447/0075/16/PN-TH/PL-HĐTD ngày 11 tháng 4 năm 2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 447/0075-01/16/PN-TH/PL-HĐTD ngày 21 tháng 4 năm 2017 được ký kết giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần X (viết tắt P) - Chi nhánh S1 (Thành phố Hà Nội) với Công ty TNHH S là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi

phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Theo đó, P đã đồng ý cho Công ty TNHH S vay số tiền là 1.500.000.000 đồng (một tỉ năm trăm triệu đồng) để thanh toán tiền mua máy móc thiết bị, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay các bên thỏa thuận là 11%/năm tại thời điểm giải ngân lần đầu và được điều chỉnh vào ngày đầu tiên hàng quý theo thông báo của P tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cho vay trong hạn, trả nợ gốc 25.000.000 đồng và nợ lãi theo dư nợ thực tế định kỳ vào ngày 26 hàng tháng. P đã giải ngân cho Công ty TNHH S số tiền là 1.500.000.000 đồng vào ngày 11 tháng 4 năm 2017 theo Khế ước nhận nợ số GNN/447/0075/16/PN-TH.

Để đảm bảo cho các khoản vay tín dụng nêu trên, Công ty TNHH S đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X - Chi nhánh S1 (Thành phố Hà Nội) tài sản là máy cán cửa cuốn Roller door sheet forming machine, xuất xứ Đài Loan, model NSI-20-100 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất số 447/0075-01/16/PN-TH/HĐTC ngày 21 tháng 4 năm 2017.

[3.1.2] Hợp đồng tín dụng số 447/0081/17/PN-TH/HĐTD ngày 11 tháng 7 năm 2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 447/0081/17/PN-TH/PL-HĐTD ngày 31 tháng 7 năm 2017 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần X (viết tắt P) - Chi nhánh S1 (Thành phố Hà Nội) với Công ty TNHH S là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Theo đó, P đã đồng ý cho Công ty TNHH S vay số tiền là 485.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng) để đầu tư mua dây chuyền sản xuất nhôm mới 100%, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Lãi suất cho vay các bên thỏa thuận là 11%/năm tại thời điểm giải ngân lần đầu và được điều chỉnh vào ngày đầu tiên hàng quý theo thông báo của P tại thời điểm điều chỉnh, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cho vay trong hạn, trả nợ gốc 8.084.000 đồng và nợ lãi theo dư nợ thực tế định kỳ vào ngày 26 hàng tháng. P đã giải ngân cho Công ty TNHH S số tiền là 485.000.000 đồng vào ngày 18 tháng 7 năm 2017 theo Khế ước nhận nợ số GNN/447/0081/17/PN-TH.

Để đảm bảo cho các khoản vay tín dụng nêu trên, Công ty TNHH S đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X - Chi nhánh S1 (Thành phố Hà Nội) tài sản là 4 máy móc/thiết bị/dây chuyền sản xuất và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất số 454/0081-01/17/PN-TH/HĐTC ngày 31 tháng 7 năm 2017, gồm: (1) Máy cắt nhôm tự động hai đầu, ký hiệu OMRM 113, số seri 10D32256, hãng sản xuất OZGENC MAKINA, xuất xứ TURKEY, năm sản xuất 2017; (2) Máy bấm và liên kết góc nhôm, ký hiệu OMRM 136, số seri 10H1454, hãng sản xuất OZGENC MAKINA, xuất xứ TURKEY, năm sản xuất 2016; (3) Máy phay đầu đổ nhôm, ký hiệu OMRM 121, số seri 10A4523, hãng sản xuất OZGENC MAKINA, xuất xứ TURKEY, năm sản xuất 2016 và (4) Máy phay copy 1 đầu, ký hiệu OMRM 117P, số seri 10F6208, hãng sản xuất OZGENC MAKINA, xuất xứ TURKEY.

[3.1.3] Hợp đồng tín dụng số 447/0075/16/PN-TH/HĐTD ngày 10 tháng 11 năm 2016 và Hợp đồng tín dụng số 447/0081/17/PN-TH/HĐTD ngày 11 tháng 7 năm 2017 đều có quy định trách nhiệm của bên vay là phải trả nợ gốc, lãi đầy đủ, đúng hạn cho bên cho vay (khoản 1 Điều 3), nếu bên vay vi phạm bất kỳ thỏa thuận nào trong Hợp đồng này thì bên cho vay được quyền chuyển toàn bộ dư nợ gốc của bên vay sang nợ quá hạn và thực hiện các biện pháp cần thiết để thu hồi nợ trước hạn, chấm dứt cho vay (khoản 5 Điều 3). Việc Công ty TNHH S ngừng trả nợ cho P theo thỏa thuận kể từ ngày 27 tháng 7 năm 2020 đối với Hợp đồng tín dụng số 447/0075/16/PN-TH/HĐTD ngày 10 tháng 11 năm 2016 và kể từ ngày 26 tháng 8 năm 2020 đối với Hợp đồng tín dụng số 447/0081/17/PN-TH/HĐTD ngày 11 tháng 7 năm 2017 cho đến nay là vi phạm nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền nợ gốc, lãi cho P theo thỏa thuận nêu trên.

[3.1.4] Theo thỏa thuận tại khoản 3, khoản 10 Điều 1 và khoản 2 Điều 3 của Hợp đồng tín dụng số 447/0075/16/PN-TH/HĐTD ngày 10 tháng 11 năm 2016 và Hợp đồng tín dụng số 447/0081/17/PN-TH/HĐTD ngày 11 tháng 7 năm 2017 thì:

- Tiền lãi trong hạn được xác định theo công thức: (Dư nợ gốc vay thực tế) x (số ngày thực tế của kỳ tính lãi) x (lãi suất vay tính theo năm): 360

- Tiền lãi quá hạn được xác định theo công thức: (Dư nợ gốc quá hạn) x (số ngày quá hạn) x 150% x (lãi suất vay tính theo năm): 360

[3.1.5] Tính đến ngày 22 tháng 7 năm 2024, Công ty TNHH S còn thiếu P số tiền nợ gốc và lãi chưa thanh toán là 698.817.679 đồng, trong đó nợ gốc là 385.909.600 đồng, nợ lãi trong hạn là 67.380.770 đồng, nợ lãi quá hạn là 245.527.309 đồng, cụ thể như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 447/0075/16/PN-TH/HĐTD ngày 10 tháng 11 năm 2016, Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 447/0075/16/PN-TH/PL-HĐTD ngày 11 tháng 4 năm 2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 447/0075-01/16/PN-TH/PL-HĐTD ngày 21 tháng 4 năm 2017, Khế ước nhận nợ số GNN/447/007516/PN-TH ngày 11 tháng 4 năm 2017: Nợ gốc 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 46.670.063 đồng, nợ lãi quá hạn 191.298.227 đồng, tổng cộng 537.968.290 đồng.

- Hợp đồng tín dụng số 447/0081/17/PN-TH/HĐTD ngày 11 tháng 7 năm 2017; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 447/0081/17/PN-TH/PL-HĐTD ngày 31 tháng 7 năm 2017, Khế ước nhận nợ số GNN/447/0081/17/PN-TH ngày 18 tháng 7 năm 2017: Nợ gốc 85.909.600 đồng, nợ lãi trong hạn 20.710.707 đồng, nợ lãi quá hạn 54.229.082 đồng, tổng cộng 160.849.389 đồng.

[3.1.6] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho bị đơn là Công ty TNHH S về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như các tài liệu, chứng cứ kèm theo mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án nhưng Công ty TNHH S không có ý kiến phản hồi cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc đưa ra không đủ

chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[3.1.7] Do bên vay là Công ty TNHH S đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn trả nợ theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ nên bên cho vay là P yêu cầu Công ty TNHH S trả tiền nợ gốc và lãi còn thiếu tính đến ngày 22 tháng 7 năm 2024 số tiền là 698.817.679 đồng, trong đó nợ gốc là 385.909.600 đồng, nợ lãi trong hạn là 67.380.770 đồng, nợ lãi quá hạn là 245.527.309 đồng, là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017), các điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng N1, khoản 2 Điều 8 và Điều 13 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về xử lý tài sản thế chấp:

Tài sản thế chấp của các khoản vay trên bao gồm:

- Máy cán cửa cuốn Roller door sheet forming machine, xuất xứ Đài Loan, model NSI-20-100 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất số 447/0075-01/16/PN-TH/HĐTC ngày 21 tháng 4 năm 2017.

- Máy cắt nhôm tự động hai đầu, ký hiệu OMRM 113, số seri 10D32256, hãng sản xuất OZGENC MAKINA, xuất xứ TURKEY, năm sản xuất 2017; Máy bấm và liên kết góc nhôm, ký hiệu OMRM 136, số seri 10H1454, hãng sản xuất OZGENC MAKINA, xuất xứ TURKEY, năm sản xuất 2016; Máy phay đầu đồ nhôm, ký hiệu OMRM 121, số seri 10A4523, hãng sản xuất OZGENC MAKINA, xuất xứ TURKEY, năm sản xuất 2016; Máy phay copy 1 đầu, ký hiệu OMRM 117P, số seri 10F6208, hãng sản xuất OZGENC MAKINA, xuất xứ TURKEY và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất số 454/0081-01/17/PN- TH/HĐTC ngày 31 tháng 7 năm 2017.

Các hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, dây chuyền trên được ký kết giữa P và Công ty TNHH S là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật.

Vì Công ty TNHH S đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên P có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên để thu hồi nợ theo quy định tại khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.3] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay

theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn có yêu cầu thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng chịu lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

ã47.550 m trăm năm mươi **đồngQUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 180; điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 317, Điều 319, Điều 322, khoản 7 Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 2 Điều 8 và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần X (tên gọi mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần T5):

1.1 Buộc Công ty TNHH S phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X (tên gọi mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần T5 và Phát triển) số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 22 tháng 7 năm 2024 là 698.817.679 đồng (sáu trăm chín mươi tám triệu tám trăm mười bảy nghìn sáu trăm bảy mươi chín đồng), trong đó nợ gốc là 385.909.600 đồng, nợ lãi trong hạn là 67.380.770 đồng, nợ lãi quá hạn là 245.527.309 đồng.

Thực hiện thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

1.2 Kể từ ngày 23 tháng 7 năm 2024 cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH S còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ nhưng phải phù hợp với quy định pháp luật. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3 Trường hợp Công ty TNHH S không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X (tên gọi mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần T5) thì Ngân hàng Thương mại cổ phần X (tên gọi mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần T5 và Phát triển) có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, gồm:

- Máy cán cửa cuốn Roller door sheet forming machine, xuất xứ Đài Loan, Model NSI-20-100 và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất số 447/0075-01/16/PN-TH/HĐTC ngày 21 tháng 4 năm 2017.

- Máy cắt nhôm tự động hai đầu, ký hiệu OMRM 113, số seri 10D32256, hãng sản xuất OZGENC MAKINA, xuất xứ TURKEY, năm sản xuất 2017; Máy bấm và liên kết góc nhôm, ký hiệu OMRM 136, số seri 10H1454, hãng sản xuất OZGENC MAKINA, xuất xứ TURKEY, năm sản xuất 2016; Máy phay đầu đồ nhôm, ký hiệu OMRM 121, số seri 10A4523, hãng sản xuất OZGENC MAKINA, xuất xứ TURKEY, năm sản xuất 2016; Máy phay copy 1 đầu, ký hiệu OMRM 117P, số seri 10F6208, hãng sản xuất OZGENC MAKINA, xuất xứ TURKEY và toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất theo Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị, dây chuyền sản xuất số 454/0081-01/17/PN-TH/HĐTC ngày 31 tháng 7 năm 2017.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 31.952.707 đồng (ba mươi một triệu chín trăm năm mươi hai nghìn bảy trăm lẻ bảy đồng) do Công ty TNHH S chịu.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần X (tên gọi mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần T5 và Phát triển) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.695.091 đồng (mười bốn triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn không trăm chín mươi một đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0010735 ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng Thương mại cổ phần X (tên gọi mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần T5) chịu lệ

phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 5.600.074 đồng (năm triệu sáu trăm nghìn không trăm bảy mươi bốn đồng) và đã thực hiện xong.

4. Về quyền kháng cáo :

Ngân hàng Thương mại cổ phần X (tên gọi mới: Ngân hàng Thương mại cổ phần T5), Công ty TNHH S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 5;
- Chi cục THADS Quận 5;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hà Như Oanh